

Số: *M* /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày *30* tháng *10* năm 2020

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chế chứng thực của
Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư ban hành Quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia nhằm hướng dẫn các quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, bao gồm:

1. Hợp đồng mẫu giữa tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và các đại lý tại Phụ lục I;
2. Hợp đồng mẫu giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thuê bao tại Phụ lục II;
3. Quy chế chứng thực mẫu tại Phụ lục III.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng có giấy chứng nhận đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng, Đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thuê bao có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2020.
2. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. *ĐK*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử;
- Ban Chỉ đạo CNTT của cơ quan Đảng;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, NEAC (150).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

**HỢP ĐỒNG MẪU GIỮA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VÀ CÁC ĐẠI LÝ**
(Kèm Thông tư số 31 /2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 10 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
Số:

[PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ]

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại.....
....., chúng tôi gồm:

1. [Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng] (Bên A):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:Mã số thuế:

Người đại diện:Chức vụ:

...

2. [Tên đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng] (Bên B):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax:

Tài khoản:Mã số thuế:

Người đại diện:Chức vụ:

...

[PHẦN 2. NỘI DUNG BẮT BUỘC (liên quan đến cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số)]

Hợp đồng đại lý được lập thành văn bản với các nội dung được các bên thống nhất như sau:

Điều. Nội dung hợp đồng

1. Thông tin chung

- Loại chứng thư số mà đại lý được phép tham gia cung cấp
- Các bước trong quy trình cấp chứng thư số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng mà đại lý được thực hiện.

2. Hình thức đại lý

Hai bên lựa chọn hình thức đại lý là đại lý bao tiêu hoặc đại lý độc quyền hoặc tổng đại lý mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ hoặc hình thức đại lý khác mà hai bên thỏa thuận.

Điều. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Tạm dừng, thu hồi chứng thư số của thuê bao khi phát hiện tài liệu, thông tin thuê bao chưa hợp lệ, không chính xác, không trung thực.

b) Tạm dừng cấp chứng thư số mới cho thuê bao khi phát hiện các sai sót trong hệ thống cung cấp dịch vụ của mình có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao và người nhận.

c) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo điều kiện hoạt động của đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:

- Là thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

- Có địa chỉ cụ thể trụ sở giao dịch.

- Có hợp đồng đại lý với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

d) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

- Hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng thư số cho thuê bao.

- Niêm yết công khai quy trình cấp chứng thư số tại trụ sở đại lý.

- Bảo đảm kênh thông tin 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận yêu cầu từ thuê bao.

đ) Chịu trách nhiệm pháp lý về việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định.

e) Quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đại lý theo quy định của pháp luật về thương mại.

b) Hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng thư số cho thuê bao.

c) Niêm yết công khai quy trình cấp chứng thư số tại trụ sở đại lý.

d) Bảo đảm kênh thông tin 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận yêu cầu từ thuê bao.

đ) Chịu trách nhiệm báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan chức năng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số.

e) Quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều. Phương thức thanh toán giữa Bên A và Bên B

- Tiền mặt/chuyển khoản

- Thời hạn thanh toán

Điều. Thời hạn đại lý

(Hai bên tự thỏa thuận)

Điều. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

1. Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.